

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

Mẫu số:

CK - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý năm nay	Quý năm trước	Luỹ kế năm nay	Luỹ kế năm trước
01 1. Doanh thu	01		(54,465,077)	285,090,549	448,992,645	11,040,964,158
Trong đó:				-		-
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1			2,202,020	403,021,932	306,087,916
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2			-		5,991,300
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5			-	100,000,000	-
- Doanh thu khác	01.9		(54,465,077)	282,888,529	(54,029,287)	10,728,884,942
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
10 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		(54,465,077)	285,090,549	448,992,645	11,040,964,158
11 4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1,556,155	3,293,792,305	398,609,314	11,558,980,357
20 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(56,021,232)	(3,008,701,756)	50,383,331	(518,016,199)
25 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,767,189,487	4,467,123,503	13,695,927,008	6,981,501,367
30 7. Lỗ từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(12,823,210,719)	(7,475,825,259)	(13,645,543,677)	(7,499,517,566)
31 8. Thu nhập khác	31			-		-
32 9. Chi phí khác	32			-		-
40 10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			-		-
50 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(12,823,210,719)	(7,475,825,259)	(13,645,543,677)	(7,499,517,566)
51 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1		-		-
52 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2		-		-
60 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(12,823,210,719)	(7,475,825,259)	(13,645,543,677)	(7,499,517,566)
70 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			-		-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Đỗ Minh Sơn

Người lập biểu

Ngày 18 tháng 01 năm 2016

Đỗ Minh Sơn

Q. Kế toán trưởng

Trưởng

Q. Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

Mẫu số:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ ngày 01/07/2014 đến 30/9/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(12,823,210,719)	(76,551,534,322)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	47,500,003	75,784,124
Các khoản dự phòng	03	1,461,359	
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	(12,774,249,357)	(76,475,750,198)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	232,677,127	(127,989,207,309)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(3,891,293)	226,515,422
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	32,059,601	35,059,762
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8,420,079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12,513,403,922)	(204,194,962,244)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	12,933,804
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12,513,403,922)	(204,182,028,440)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	89,059,037	145,788,980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	98,599,909	65,890,143

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Đỗ Minh Sơn

Người lập biểu

Ngày 18 tháng 01 năm 2015

Đỗ Minh Sơn

Q. Kế toán trưởng

Trương Ngô Sen

Q. Tổng Giám Đốc



CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán Số 76/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/02/2008 và được điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 112/GPĐC-UBCK ngày 19/11/2012 được ký bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, tính đến ngày 31/12/2012, Công ty chỉ còn 02 (hai) hoạt động là Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ theo giấy thành lập là: 135.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định là: 125.000.000.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Vien Dong Securities Corporation; tên viết tắt là: VDSE.

Trụ sở chính đặt tại: 11 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/06/2015: 13 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, Thông tư hướng dẫn số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc công ty đảm bảo việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đính kèm.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Đầu tư vào chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá gốc, tức giá mua và các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Nguyên tắc đánh giá chứng khoán

Chứng khoán tự doanh mua vào được ghi nhận theo giá mua thực tế. Giá vốn chứng khoán tự doanh khi bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình phần mềm kế toán và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian từ 03 - 05 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu môi giới chứng khoán: ghi nhận khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán: ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch chứng khoán từ Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).
- Doanh thu khác: chủ yếu phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng và lãi từ hoạt động repo chứng khoán.

11. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

12. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

13. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt (VND)	17,219,028	7,659
Tiền gửi ngân hàng (VND)	43,818,130	52,694,947
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	28,021,879	33,551,111
Cộng	89,059,037	86,253,717

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
b) Của nhà đầu tư	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Tổng cộng	-	-

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ sách	So với giá thị trường Tăng	Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường
a. Chứng khoán thương mại	21,396	111,448,656	-	99,241,456	12,207,200
b. Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-
d. Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-	-	-
e. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	21,396	111,448,656	-	99,241,456	12,207,200

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại chủ yếu bao gồm các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Trong năm tài chính này, Công ty đang thanh lý dần các chứng khoán thương mại còn nắm giữ.

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu khách hàng		
Trả trước cho người bán	193,296,250	193,296,250
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	28,690,584,046	28,690,584,046
Phải thu khác	172,085,432,860	172,261,627,620
Cộng	200,969,313,156	201,145,507,916
Dự phòng phải thu khó đòi	(81,699,573,675)	(69,176,628,881)
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	119,269,739,481	131,968,879,035

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế TNDN tạm nộp	369,555,279	369,555,279
Thuế VAT được khấu trừ	495,328,857	491,811,224
Tài sản thiếu chờ xử lý	(5.1) 5,857,672,163	5,857,672,163
Các khoản tạm ứng	(5.2) 9,317,100,000	8,867,100,000
Các khoản khác	80,000	80,000
Cộng	16,039,736,299	15,586,218,666

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Tăng	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Giá trị còn lại				
Số dư đầu quý	-	-	-	-
Số dư cuối quý	-	-	-	-

7. Tài sản cố định vô hình

	Websites Công ty	Phần mềm kế toán	Phần mềm khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu quý	269,339,900	120,000,000	2,270,206,650	2,659,546,550
Mua mới	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	269,339,900	120,000,000	2,270,206,650	2,659,546,550
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu quý	261,096,168	120,000,000	1,822,768,331	2,203,864,499
Tăng	8,243,732	-	153,750,146	161,993,878
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	269,339,900	120,000,000	1,976,518,477	2,365,858,377
Giá trị còn lại				
Số dư đầu quý	8,243,732	-	447,438,319	455,682,051
Số dư cuối quý	-	-	293,688,173	293,688,173

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	7,530,460
Chi phí chờ phân bổ khác (phần mềm, chi phí sửa chữa,...)	11,636,081	36,165,222
Cộng	11,636,081	43,695,682

9. Tiền nộp hỗ trợ quỹ thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền nộp đầu năm	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	684,018,605	684,018,605
Tiền lãi được phân bổ	383,130,991	383,130,991
Cộng	1,187,149,596	1,187,149,596

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10.	Tài sản dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
		-	-		
11.	Nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuế TNCN)	75,910,077	111,364,622		
	Phải trả công nhân viên	732,164,190	732,164,190		
	Người mua trả tiền trước	-	-		
	Phải trả người bán	107,769,775	236,368,302		
	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(*) 134,471,030,801	134,889,151,763		
	Cộng	135,386,874,843	135,969,048,877		
12.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
	Nhận ký quỹ mua chứng khoán từ các nhà đầu tư	92,600	92,600		
13.	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	78,497,204	88,928,470		
14.	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
	Chỉ tiêu	Số dư đầu quý	Tăng	Giảm	Số dư cuối quý
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
	Lỗ lũy kế	(119,933,857,362)	-	(13,539,597,852)	(133,473,455,214)
	Cộng	15,066,142,638	-	(13,539,597,852)	1,526,544,786
	Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu				
		Vốn góp theo giấy phép thành lập		Vốn góp thực tế đến 31/12/2013	
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	105,000,000,000		105,000,000,000	
	Ông Võ Quốc Thắng	2,700,000,000		2,700,000,000	
	Ông Nguyễn Tiến	500,000,000		500,000,000	
	Ông Trần Trọng Hân	500,000,000		500,000,000	
	Và các Cổ đông khác	26,300,000,000		26,300,000,000	
	Cộng	135,000,000,000		135,000,000,000	

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính này cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	Công ty mẹ	Phải thu	37,947,601,216


Đỗ Minh Sơn

Người lập biểu

Ngày 18 tháng 01 năm 2015


Đỗ Minh Sơn

Q. Kế toán trưởng


Trương Ngô Sen

Q. Tổng Giám Đốc

